



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Điện-Điện tử PSI**

Laboratory: **PSI Electrical and Electronics Testing Laboratory**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Thử nghiệm và Chứng nhận PSI**

Organization: **PSI Testing and Certification Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1625**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Đặng Văn Thực**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /8/2026 đến ngày 24/5/2031**

Địa chỉ/ Address: **Số 14 ngách 105/42/9 đường Xuân La, tổ dân phố 8, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam**
No. 14, Alley 105/42/9, Xuan La Street, Residential Area 8, Xuan Dinh Ward, Hanoi, Vietnam

Địa điểm/ Location: **TT5-5, lô TT5 Khu đất ký hiệu ĐG1, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam**
TT5-5, Lot TT5, Land plot code DG1, Xuan Phuong Ward, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **0866.236.288**

E-mail: **info@psicert.vn**

Website: **www.psicert.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, MỞ RỘNG LẦN 1
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION
VILAS 1625

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical - Electronic**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thiết bị Camera giám sát sử dụng giao thức Internet Surveillance Camera using Internet Protocol	Kiểm thử khởi tạo mật khẩu duy nhất <i>Testing of Initialization of unique per device password</i>	-	QCVN 11:2026/BCA
2.		Kiểm thử quản lý lỗ hổng bảo mật <i>Testing of management of security vulnerabilities</i>	-	
3.		Kiểm thử quản lý cập nhật <i>Testing of management of update</i>	-	
4.		Kiểm thử lưu trữ các tham số an toàn nhạy cảm <i>Testing of storage of sensitive security parameter</i>	-	
5.		Kiểm thử quản lý kênh giao tiếp an toàn <i>Testing of management of secured communication channels</i>	-	
6.		Kiểm thử phòng chống tấn công thông qua các giao diện của thiết bị <i>Testing of protection from attack via minimizing attack surfaces</i>	-	
7.		Kiểm thử bảo vệ dữ liệu người sử dụng <i>Testing of protection of user data</i>	-	
8.		Kiểm thử khả năng tự khôi phục lại hoạt động bình thường sau sự cố <i>Testing of Ability to restore normal operation after outage</i>	-	
9.		Kiểm thử xóa dữ liệu trên thiết bị camera <i>Testing of erasure of data on surveillance camera</i>	-	
10.		Kiểm thử xác thực dữ liệu đầu vào <i>Testing of validation of input data</i>	-	
11.		Kiểm thử bảo vệ dữ liệu trên thiết bị camera <i>Testing of protection of data on surveillance camera</i>	-	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN, MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

VILAS 1625

Ghi chú/ Notes:

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia/ *National Technical Regulation*;

Trường hợp Công ty Cổ phần Thử nghiệm và Chứng nhận PSI cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Thử nghiệm và Chứng nhận PSI phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/
It is mandatory for the PSI Testing and Certification Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./

